

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tảo;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Đặng Văn Q (tên gọi khác Đặng Ngọc Q), sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-10-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Văn Q trình bày: Ông Q và bà Nguyễn Thị C kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng từ việc quản lý tiền bạc, không hợp nhau về tính tình, nghi ngờ tình cảm nên từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Ông Q và bà C có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc H1, sinh ngày 17-7-1999 và Đặng Thị Ngọc H2, sinh ngày 30-7-2001; hiện cả hai đang sống với bà C. Ông Q đồng ý giao cháu H2 cho bà C nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C đã khai: Về hôn nhân bà thừa nhận như lời trình bày của ông Q. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q có tình cảm với người phụ nữ khác từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn Q.

- Về con chung: Bà C và ông Q có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc H1, sinh ngày 17-7-1999 và Đặng Thị Ngọc H2, sinh ngày 30-7-2001; hiện cháu H2, cháu H1 đang sống với bà C. Bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung; còn cháu H1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của **Bộ luật Tố tụng dân sự**. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn Q đối với bà Nguyễn Thị C; giao Đặng Thị Ngọc H2 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, đối với cháu H1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Ông Q phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên Cng cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Đặng Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa ông Q và bà Nguyễn Thị C, bà C có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, do đó áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C là đúng qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Ông Q và bà C thừa nhận chung sống từ năm 1998, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 629, quyển số V ngày 23-10-2002. Tuy nhiên, trong giấy chứng nhận kết hôn số 629 thể hiện họ và tên chồng là Đặng Ngọc Q, sinh năm 1971 và trong trích lục khai sinh số 153, 154 ngày 20-8-2018 thể hiện họ và tên cha là Đặng Ngọc Q, sinh năm 1971. Quá trình giải quyết và thu thập chứng cứ thể hiện ông Đặng Ngọc Q, sinh năm 1971 và ông Đặng Văn Q, sinh năm 1971 là một người. Mặt khác, quá trình làm việc bà C và các con chung của ông Q cũng thừa nhận ông Đặng Ngọc Q và ông Đặng Văn Q là một người nên có cơ sở xác định ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị C có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa ông Q và bà C là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Q và bà C đều thừa nhận xuất phát từ việc nghi ngờ tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện để hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, bà C có đơn hoà giải, xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q. Do đó xét thấy tình trạng vợ chồng giữa ông Q và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà C.

[3]. Về con chung: Ông Q và bà C thống nhất có hai con chung tên Đặng Thị Ngọc H1, sinh ngày 17-7-1999 và Đặng Thị Ngọc H2, sinh ngày 30-7-2001; hiện cháu H2 đang sống với bà C. Ông Q và bà C thống nhất giao cháu H2 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H2 và bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho cháu H2 nên giao cháu H2 cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Q được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở ông Q thực hiện quyền này. Đối với em H1 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà C không yêu cầu nên không giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Đặng Văn Q phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn Q (tên gọi khác Đặng Ngọc Q) đối với bà Nguyễn Thị C. Ông Q được ly hôn với bà C.

2. Về con chung: Giao Đặng Thị Ngọc H2, sinh ngày 30-7-2001 cho bà C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở ông Q thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với em Đặng Thị Ngọc H1, sinh ngày 17-7-1999 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà C không yêu cầu nên không giải quyết

4. Về án phí: Ông Đặng Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021659** ngày 15-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Đặng Văn Q có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị C có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu